

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
VIETNAM STEEL CORPORATION



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024
(Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024)

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

Trụ sở chính: 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 84. 24. 3856 1767
Fax: 84. 24. 3856 1815
Website: www.vnsteel.vn



Digitally signed
by TỔNG CÔNG
TY THÉP VIỆT
NAM – CTCP
Date:
2025.04.16
16:42:32
+07'00'

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP**
- Tên tiếng Anh: **VIET NAM STEEL CORPORATION**
- Tên viết tắt : **VNSTEEL.CORP**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100047
- Vốn điều lệ: 6.780.000.000.000 đồng (*Sáu nghìn bảy trăm tám mươi tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 6.780.000.000.000 đồng (*Sáu nghìn bảy trăm tám mươi tỷ đồng*)
- Địa chỉ: 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: 84. 4. 3856 1767
- Số fax: 84. 4. 3856 1815
- Website: www.vnsteel.vn
- Mã cổ phiếu: TVN

Quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thành lập

Tổng công ty được hình thành qua các thời kỳ, gắn liền với sự phát triển của đất nước nói chung và ngành công nghiệp luyện kim nói riêng. Đó là sự kết hợp, sáp nhập, hợp nhất nhiều doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị trong ngành sản xuất thép và kinh doanh kim khí của Nhà nước trong những thập kỷ qua.

Ngày 04/7/1994, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 344/TTg về việc hợp nhất Tổng công ty Thép Việt Nam và Tổng công ty Kim khí thuộc Bộ Công nghiệp nặng thành Tổng công ty Thép Việt Nam. Ngày 29/4/1995, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 255/TTg thành lập Tổng công ty Thép Việt Nam trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại Tổng công ty Thép Việt Nam và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công nghiệp nặng nhằm thực hiện Quyết định số 91/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập Tập đoàn kinh doanh.

Nhiệm vụ chính của Tổng công ty là thực hiện nhiệm vụ kinh doanh Thép và các kim loại khác theo quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành Thép và kim loại của

Nhà nước, bao gồm: xây dựng kế hoạch phát triển, đầu tư, tạo nguồn vốn đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xuất nhập khẩu, liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài phù hợp với pháp luật và chính sách của Nhà nước; nhận và sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, bao gồm cả phần vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác; nhận và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh và những nhiệm vụ khác được giao; tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Trong quá trình hoạt động, căn cứ nhu cầu sản xuất kinh doanh, Tổng công ty đã có điều chỉnh, bổ sung ngành nghề hoạt động.

1.2. Cổ phần hóa

Ngày 31/12/2009, Văn Phòng Chính phủ đã ban hành công văn số 373/TB-VPCP về việc thông báo kết luận của Thủ tướng: “Đồng ý cổ phần hóa Công ty mẹ của Tổng công ty Thép Việt Nam, Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn Điều lệ”.

Căn cứ nội dung nêu trên, ngày 15/01/2010 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 0256/QĐ-BCT về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam. Sau khi có Quyết định cổ phần hóa, Ban Chỉ đạo và Lãnh đạo Tổng công ty Thép Việt Nam đã khẩn trương thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án cổ phần hóa theo lộ trình đã đề ra.

Ngày 18/4/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 552/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam. Thực hiện Quyết định nêu trên, Tổng công ty Thép Việt Nam đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng và tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu để chuyển thành Tổng công ty cổ phần. Kể từ ngày 29/9/2011, Tổng công ty Thép Việt Nam đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU CỦA VNSTEEL

**Huân chương
Độc lập Hàng Nhất**



**Huân chương
Độc lập Hàng Nhì**



**Huân chương
Độc lập Hàng Ba**



**Anh hùng
LLVT Nhân dân**



**Giải
Quả Cầu Vàng**



**Hàng Việt Nam
chất lượng cao**



**Cúp
Ngôi sao chất lượng**



**Cúp
Sen vàng**



**Cúp vàng thương hiệu ngành
xây dựng Việt Nam**



1.3. Các dấu mốc lịch sử

– **04/7/1994:** Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 344/TTg về việc hợp nhất Tổng công ty Thép Việt Nam và Tổng công ty Kim khí thuộc Bộ Công nghiệp nặng thành Tổng công ty Thép Việt Nam.

– **29/4/1995:** Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 255/TTg thành lập Tổng công ty Thép Việt Nam trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại Tổng công ty Thép Việt Nam và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công nghiệp nặng.

– **23/11/2006:** Thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

- **21/6/2007:** Thủ tướng phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

- **01/7/2007:** Chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

- **31/12/2009:** Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 373/TB-VPCP về việc thông báo kết luận của Thủ tướng: “Đồng ý cổ phần hóa Công ty mẹ của Tổng công ty Thép Việt Nam, Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn điều lệ”.

- **15/01/2010:** Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 0256/QĐ-BCT về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

- **29/9/2011:** Tổng công ty Thép Việt Nam chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100100047 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 02 năm 1996 (đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 10 năm 2019), Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP đăng ký các ngành nghề kinh doanh sau đây:

- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác than mỡ và các nguyên liệu trợ dùng cho công nghiệp sản xuất thép;
- Bán buôn phế liệu kim loại: cao su, xăng, dầu, mỡ, ga và các loại vật tư phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí và các ngành công nghiệp khác; Kinh doanh phế liệu kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh khai thác cảng và dịch vụ giao nhận, kho bãi, nhà xưởng
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn, biệt thự du lịch; phòng hoặc căn hộ khách sạn; nhà hàng)
- Sản xuất sắt, thép, gang (Sản xuất thép và các kim loại khác và các sản phẩm thép sau cán);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất hóa chất cơ bản (sản xuất, kinh doanh khí ô xy, nitơ, argon);
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Quảng cáo;

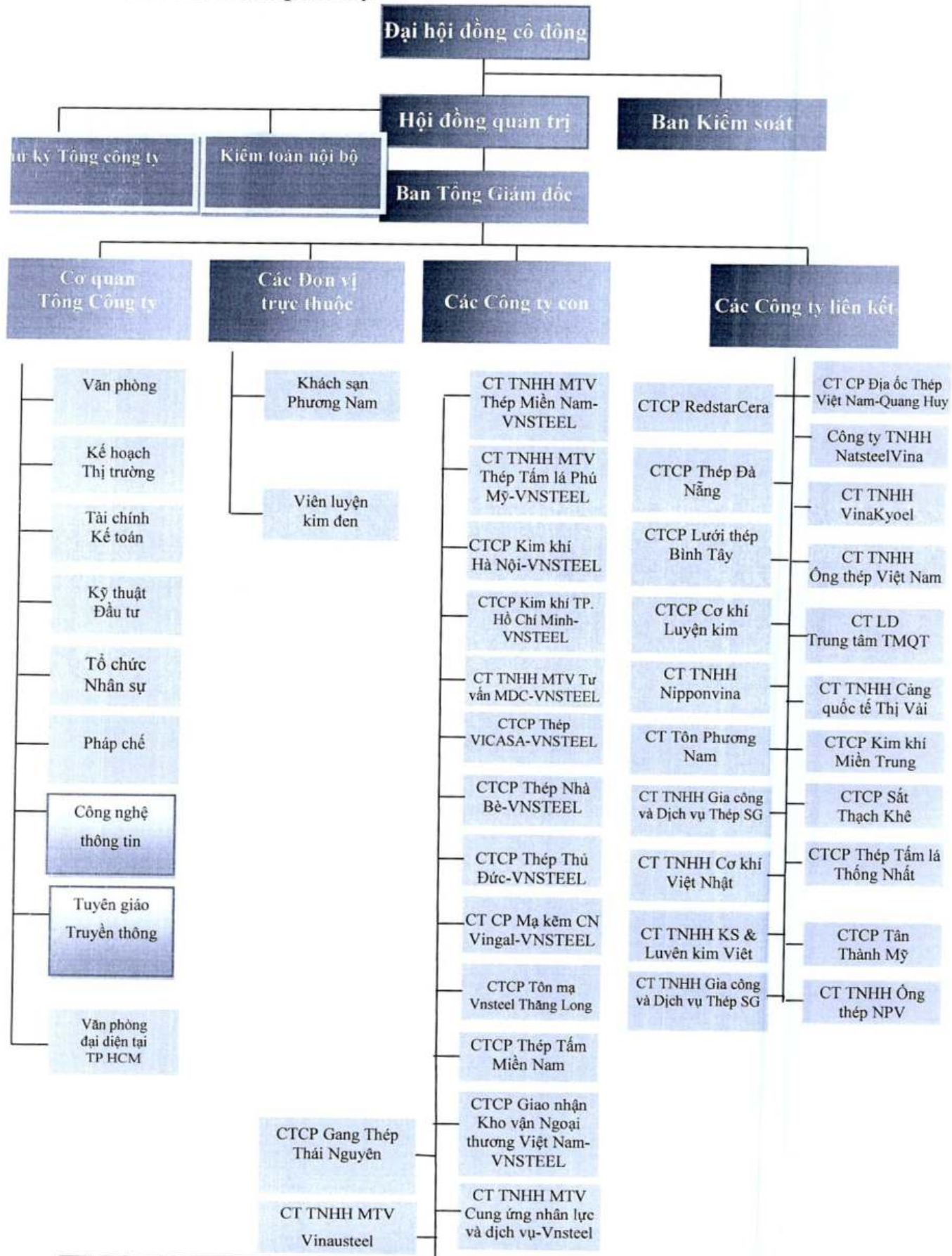
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Điều hành tour du lịch;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Tái chế phế liệu;
- Đại lý du lịch;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (xuất khẩu lao động);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu (Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán));
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Phá dỡ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động thể thao khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất máy luyện kim;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Bán buôn quặng sắt và quặng kim loại màu; bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; bán buôn thành phẩm bằng sắt, thép và kim loại màu);
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Hoạt động dịch vụ và hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Dịch vụ logistic);
- Xây dựng nhà để ở;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Thiết kế, tư vấn thiết kế các công trình sản xuất thép, các công trình công nghiệp và dân dụng);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu (Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh);
- Xây dựng nhà không để ở;
- Đào tạo trung cấp (Đào tạo và đạo tạo nghề cho ngành sản xuất thép và sản xuất vật liệu xây dựng);
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Không bao gồm hoạt động của các đầu giá viên).

2.2. Địa bàn kinh doanh: Hà Nội và các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị.



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành (gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng), Thư ký Tổng công ty và các Ban nghiệp vụ, Văn phòng.

- Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 05 thành viên. Đến thời điểm 31/12/2024, Hội đồng quản trị gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và 03 Thành viên Hội đồng quản trị làm việc kiêm nhiệm (trong đó có 01 thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 01 thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc);

- Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2021-2026, gồm 05 thành viên. gồm: Trưởng ban, 02 thành viên chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm;

- Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có 04 thành viên, gồm Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc phụ trách các lĩnh vực theo sự phân công của Tổng Giám đốc;

- Các bộ phận tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị gồm: Thư ký Tổng công ty, Ban Kiểm toán nội bộ, Trợ lý Hội đồng quản trị.

- Bộ máy giúp việc chung, gồm 7 phòng/ban nghiệp vụ được tổ chức tại trụ sở chính (gồm Văn phòng và các Ban: Tài chính Kế toán, Tổ chức Nhân sự, Kế hoạch Thị trường, Kỹ thuật Đầu tư, Pháp chế, Công nghệ Thông tin) và Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Các công ty con, công ty liên kết:

1. CÔNG TY CON:

1	Công ty TNHH Một thành viên Thép Miền Nam-VNSTEEL	Khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	- Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: Sản xuất thép và các loại sản phẩm thép - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm thép - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán vật tư, nguyên liệu, phế liệu kim loại phục vụ cho sản xuất thép - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh khí oxy phục vụ luyện thép và nạp chai thành phẩm; - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ kho bãi, ký gửi hàng hóa, khai thác cảng.	1.000.000.000.000	100%
---	---	--	--	-------------------	------

2	Công ty TNHH Một thành viên Thép Tấm lá Phú Mỹ-VNSTEEL	Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	- Sản xuất sắt, thép, gang. - Chi tiết: Sản xuất thép và các loại sản phẩm thép - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. - Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm thép - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. - Chi tiết: Kinh doanh các nguyên liệu, vật tư phụ tùng thiết bị phục vụ sản xuất thép. - Đại lý, môi giới, đấu giá. - Chi tiết: Đại lý môi giới mua bán, ký gửi vật tư, hàng hóa.	800.000.000.000	100%
3	Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác quặng sắt; Đại lý, môi giới, đấu giá; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; ...	1.840.000.000.000	65%
4	Công ty cổ phần Kim Khí Hà Nội-VNSTEEL	20 đường Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh kim khí, nguyên vật liệu phục vụ ngành thép; kinh doanh máy móc, thiết bị phụ tùng, phương tiện vận tải, bốc xếp...	90.000.000.000	89,37%
5	Công ty CP Kim Khí TP Hồ Chí Minh-VNSTEEL	193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Mua bán kim khí (kim loại đen, kim loại màu); máy móc thiết bị; nông, lâm, hải sản; khoáng sản; sản phẩm kim loại; gỗ và sản phẩm về gỗ; sản xuất gia công sản phẩm kim khí, kinh doanh khách sạn; lữ hành; cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà ở	272.999.990.000	55,67%
6	Công ty CP Thép tấm Miền Nam	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		66.587.824.448	74,33%
7	Công ty CP Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	Lô 14 Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;...	429.750.000.000	89,01%
8	Công ty CP Giao nhận kho vận Ngoại thương Việt Nam	Số 406 Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Giao nhận vận tải hàng quá cảnh, hàng ngoại giao, hàng hội chợ triển lãm,... Buôn bán kim loại và quặng kim loại...	255.000.000.000	95,37%

9	Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL	Lô 2, Đường Số 3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất thép; Mua bán các sản phẩm thép và nguyên liệu thép; Cán thép, các loại vật tư, phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép; Kinh doanh khai thác cảng nội địa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa;...	144.900.000.000	69,07%
10	Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL	Đường số 9, Khu công nghiệp Biên hòa 1, P. An Bình, thành phố Biên hòa, tỉnh Đồng nai	Sản xuất sắt, thép, gang; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; Tái chế phế liệu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;...	151.873.220.000	65,00%
11	Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL	Km 9, Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và sản phẩm thép; nguyên nhiên liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh, khai thác cảng;...	122.253.930.000	65,00%
12	Công ty CP Mạ kẽm công nghiệp Vinal-VNSTEEL	Số 4, đường 2A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai	Sản xuất các sản phẩm thép và thép mạ	93.251.550.000	51,00%
13	Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-VNSTEEL	Số 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Thăm tra thiết kế kết cấu công trình giao thông cầu đường bộ; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu đường bộ...	5.000.000.000	100%
14	Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực và dịch vụ-Vnsteel	Số 63, ngõ 42, Phố Lạc Trung, P. Thanh Lương, Q.Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Xuất khẩu lao động) Kinh doanh dịch vụ du lịch Đào tạo Du học	6.800.000.000	100%
15	Công ty TNHH MTV Thép Vinausteel	Km 9, phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Tp Hải Phòng	Cán, kéo các sản phẩm bằng thép và kinh doanh các sản phẩm đó.	141.639.618.000	100%

2. CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

1	Công ty CP Kim Khí Miền Trung	16 Thái Phiên, Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng	Cung cấp thép xây dựng các loại cho các công trình. Kinh doanh, xuất nhập khẩu kim khí, vật tư thứ liệu, phế liệu kim loại, vật tư tổng hợp, vật liệu xây dựng; thép xây dựng dân dụng và công nghiệp. Đầu tư kinh doanh khách sạn, văn phòng cho thuê và chung cư cao tầng. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi. Đại lý phân phối sản phẩm cho các doanh	98.465.620.000	38,30%
---	-------------------------------	---	---	----------------	--------

			ngành trong và ngoài nước.		
2	Công ty cổ phần RedstarCera	Phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Khai thác chế biến đất chịu lửa, đất sét trắng, quặng đô lô mít; mua bán vật liệu chịu lửa, vật liệu xây dựng các loại;...	110.000.000.000	20,05%
3	Công ty TNHH KS và LK Việt Trung	Khu công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.	Khai thác mỏ và sản xuất sắt thép	101.256.146 USD	46,86%
4	Công ty CP Thép Đà Nẵng	Đường Tạ Quang Bửu, khu CN Liên Chiểu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất sắt thép gang; Xuất nhập khẩu các sản phẩm thép, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu và trang thiết bị phục vụ sản xuất và kinh doanh thép; Đại lý, kinh doanh mua bán vật tư, nguyên vật liệu;...	216.000.000.000	31,16%
5	Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Cán, kéo các sản phẩm bằng thép và kinh doanh các sản phẩm đó.	1.807.260.000.000	40,00%
6	Công ty TNHH Nasteelvina	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên	Cán, kéo các SP bằng thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Rèn, dập, ép kim loại; Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối... các phần của khung kim loại; Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ kim khí.	240.393.000.000	36,70%
7	Công ty TNHH Ống thép Việt Nam	Km 9, phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Tp Hải Phòng	Sản xuất các loại ống thép; gia công những cấu kiện từ ống thép (đen và mạ kẽm); gia công mạ những cấu kiện, thiết bị bằng thép.	66.459.653.572	50,00%
8	Công ty TNHH Trung tâm TMQT	34 Lê Duẩn, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh	Cho thuê văn phòng, căn hộ và cửa hàng	496.178.595.342	50,00%
9	Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải	Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Xây dựng và kinh doanh một cảng biển tổng hợp phục vụ cho việc tiếp nhận, bốc dỡ tàu chở sắt thép và phục vụ cho tàu chở hàng bách hóa tổng hợp và hàng container	617.056.009.169	12,75%
10	Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán; xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.	200.000.000.000	31,25%
11	Công ty TNHH Nippovina	Lô D1 29 - 30 Đường VL2, KCN Vĩnh Lộc 2, Bến Lức, Long An	Sản xuất và lắp đặt các sản phẩm tôn và khung sườn nhà xưởng các loại.	27.394.801.163	50,00%

12	Công ty Tôn Phương Nam	Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Nhơn Trạch, Đồng Nai	Sản xuất tôn mạ màu, tôn mạ kẽm và tôn mạ nhôm kẽm.	963.067.029.560	45,00%
13	Công ty TNHH Gia công và dịch vụ thép Sài Gòn	Khu công nghiệp Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Gia công và cung cấp dịch vụ cắt tôn cuộn, thép tấm; sản xuất thép hình, thép ống, thép góc.	55.504.936.575	40,17%
14	Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật	Lô CN2, KCN Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Sản xuất các sản phẩm gang đúc và thép đúc; Thực hiện các dịch vụ KT và công nghệ trong sản xuất cơ khí.	51.906.539.600	14,79%
15	Công ty CP Lưới thép Bình Tây	117 Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sắt thép, kim loại màu, vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở). Chế tạo, lắp đặt thiết bị sản xuất ngành công - nông - lâm - ngư nghiệp...	19.654.400.000	40,06%
16	Công ty CP Tân Thành Mỹ	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất và mua bán các sản phẩm vôi, hộp kim sắt, đất đèn, hồ điện cực, que hàn,...	83.402.990.000	25,48%
17	Công ty CP Cơ khí Luyện Kim	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 2, phường An Bình, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Chế tạo các sản phẩm cơ khí; Chế tạo, lắp ráp hoàn chỉnh máy móc thiết bị, cụm thiết bị; Đúc sắt thép; Đúc kim loại màu; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;...	26.000.000.000	45,00%
18	Công ty CP Sắt Thạch Khê		Thăm dò, đầu tư, khai thác, làm giàu quặng sắt và các loại khoáng sản khác; Mua, bán quặng sắt và các sản phẩm từ quặng sắt và khoáng sản khác	2.400.000.000.000	15,12%
19	Công Ty TNHH Ống Thép Hàn Xoắn Nippon Steel Việt Nam	Đường D3 khu công nghiệp Phú Mỹ II, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất ống thép hàn xoắn	819.000.000.000	3,85%

4. Định hướng phát triển

4.1. Mục tiêu chủ yếu:

a) Đẩy mạnh tái cơ cấu:

- Bám sát những nguyên tắc và lộ trình của Đề án tái cơ cấu Tổng công ty. Đẩy mạnh hoạt động tái cơ cấu để tập trung vào ngành nghề chính, giảm đầu mỗi quản lý, tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tiếp tục rà soát để cập nhật và có những điều chỉnh phù hợp với tình hình cụ thể.

- Sắp xếp lại, tăng cường khả năng và hiệu quả tích hợp, mối liên kết giữa các đơn vị kinh doanh trong hệ thống để hình thành chuỗi giá trị. Xây dựng cơ chế quản lý điều hành tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực.

b) Về định hướng phát triển sản phẩm

- Đối với các sản phẩm truyền thống

+ Sản phẩm thép xây dựng: Khôi phục, duy trì và từng bước mở rộng công suất, tiếp tục duy trì giữ vững vị trí hiện tại ở sản phẩm thép xây dựng; nắm bắt cơ hội tăng trưởng từ ngành xây dựng cao ốc, hạ tầng cơ sở, công nghiệp phụ trợ và nghiên cứu, cải tiến đa dạng hóa sản phẩm thép xây dựng để xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng khác ngoài thị trường truyền thống Campuchia;

+ Sản phẩm thép dẹt: duy trì và tối ưu hóa các sản phẩm hạ nguồn (cuộn cán nguội và thép tôn mạ).

- Đối với các sản phẩm mới: Từng bước nghiên cứu, đầu tư mới và đầu tư chiều sâu để tiến tới sản xuất các chủng loại thép hợp kim, thép chế tạo, thép chất lượng cao, thép đặc chủng.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục chủ động tái cơ cấu danh mục đầu tư và thiết lập bộ máy quản lý hiệu quả, đáp ứng các chuẩn mực hiện đại;

- Củng cố vị trí, tiếp tục gia tăng thị phần trong nước đối với sản xuất thép xây dựng ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu trở thành nhà sản xuất có uy tín lớn, thương hiệu, chất lượng sản phẩm cao trên thị trường với chi phí cạnh tranh;

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới để tạo ra đột phá về hiệu quả vận hành và lợi thế cạnh tranh. Đầu tư nguồn lực thích đáng để áp dụng công nghệ sử dụng tiết kiệm năng lượng và hiệu quả, giảm thiểu phát thải và thân thiện môi trường.

5. Các rủi ro: Hiện tại các dự án đầu tư được phê duyệt trong kế hoạch các năm tới đều hướng tới sử dụng các thiết bị sản xuất thép xây dựng phải tiên tiến, hiện đại, đảm bảo các quy định về quản lý môi trường của nhà nước và tuân thủ quy định về PCCC.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

- Tổng doanh thu theo BCTC hợp nhất: 37.061 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch năm và bằng 121% năm 2023

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: lãi 357 tỷ đồng, đạt 298 % kế hoạch; tăng 608 tỷ so với năm 2023 (năm 2023, BCTC hợp nhất lỗ 251,7 tỷ).

- Doanh thu BCTC riêng: 1.571 tỷ đồng, bằng 67,1% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế trên BCTC riêng: lãi 18,3 tỷ đồng đạt 122,1% kế hoạch năm.

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu:

- Phôi thép: Sản xuất 1,27 triệu tấn, tăng 12,5% so với năm 2023.

- Thép thành phẩm: Sản xuất 3,63 triệu tấn, tăng 23,9% so năm 2023; tiêu thụ 3,55 triệu tấn, đạt 113,3% kế hoạch và tăng 21,2% so với năm 2023.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Ban điều hành:

- Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

- Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc được Tổng giám đốc phân công và phối hợp thực hiện các công việc có liên quan; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Thành viên Ban điều hành:

- Ông Nghiêm Xuân Đa – Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Công Thảo – Phó Tổng giám đốc
- Ông Lê Văn Thanh – Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Phú Dương – Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Viết Liêm – Kế toán trưởng

2.1.1. Ông Nghiêm Xuân Đa - Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 29/5/1966

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mỏ; Cử nhân Luật kinh tế; Thạc sĩ kinh tế tài chính

- Kinh nghiệm công tác:

+ Từ 1990 - 12/1995: Chuyên viên nghiên cứu, Viện mỏ Luyện kim;

- + Từ 12/1995 - 09/1996: Chuyên viên Ban QLDA mỏ Thạch Khê, Tổng công ty Thép Việt Nam;
- + Từ 09/1996 - 08/1999: Phó trưởng Ban QLDA mỏ Thạch Khê, Tổng công ty Thép Việt Nam;
- + Từ 09/1999 - 08/2005: Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Tổng công ty Thép Việt Nam, Đảng uỷ viên;
- + Từ 08/2005 - 01/2006: Quyền Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Tổng công ty Thép Việt Nam;
- + Từ 01/2006 - 08/2006: Trưởng phòng Tài chính Kế toán, đảng uỷ viên, Tổng công ty Thép Việt Nam;
- + Từ 01/8/2006 - 08/2011: Kế toán trưởng, Tổng công ty Thép Việt Nam;
- + Từ 09/2011 - 03/2013: Phó Tổng giám đốc, Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
- + Từ 04/2013 - 20/4/2014: Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
- + Từ 21/4/2014 - 08/2015: Phó Bí thư Đảng uỷ, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
- + Từ 09/2015 - 12/2016: Bí thư Đảng uỷ, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
- + Từ 01/2017 - 08/2020: Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐQT, Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
- + Từ 8/2020 - 29/6/2021: Uỷ viên BCH Đảng bộ, Thành viên HĐQT Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
- + Từ 30/6/2021 - 12/5/2023 : Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;
- + Từ 12/5/2023 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành:

Tỷ lệ cổ phần đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Tổng công ty: 127.000.000 cổ phần (tương ứng 18,73% vốn điều lệ).

2.1.2. Ông Phạm Công Thảo - Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 04/12/1977

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh doanh quốc tế.
- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 03/2000 - 07/2007: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Tổng công ty.
 - + Từ 07/2007 - 05/2010: Phó trưởng phòng Kế Hoạch hợp tác quốc tế, Tổng công ty.
 - + Từ 5/2010 - 12/2011: đi học Thạc sỹ tại Đại học Queensland - Úc.
 - + Từ 01/2012 - 03/2012: Phó Trưởng phòng Kế hoạch và Hợp tác quốc tế, Tổng công ty.
 - + Từ 04/2012 - 09/2013: Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty CP Trúc Thôn.
 - + Từ 09/2013 - 012/2013: Phó Trưởng Ban Vật tư Xuất nhập khẩu, Tổng công ty.
 - + Từ 01/2014 - 03/2014: Quyền Trưởng ban Kế hoạch và Kiểm soát nội bộ Tổng công ty.
 - + Từ 04/2014 - 06/2014: Trưởng ban Kế hoạch và Kiểm soát nội bộ Tổng công ty.
 - + Từ 07/2014 - 08/2016: Trưởng ban Kế hoạch Thị trường Tổng công ty.
 - + Từ 08/2016 - 04/2018: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty LD Sản xuất Thép Vinausteel.
 - + Từ 04/2018 - 28/6/2021: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.
 - + Từ 28/6/2021 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành:

Tỷ lệ cổ phần đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Tổng công ty: 127.000.000 cổ phần (tương ứng 18,73% vốn điều lệ).

2.1.3. Ông Lê Văn Thanh - Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 10/10/1968
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 06/1995 bắt đầu làm việc tại Phòng Tổ chức Lao động Tổng công ty;
 - + Từ 01/2003 - 05/2007: Phó Chánh Văn phòng Tổng công ty;

+ Từ 06/2007 - 08/2010: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc thứ nhất Công ty Liên doanh sản xuất Thép Vinausteel.

+ Từ 08/2010 - 08/2012: Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel;

+ Từ 08/2012 - 12/2013. Phó Chánh Văn phòng, Chánh Văn phòng Tổng công ty;

+ Từ 01/2014 - 04/2016: Trưởng ban Tổ chức Nhân sự Tổng công ty;

+ Từ 05/2016 - 04/2021: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long;

+ Từ 04/2021 - nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành:

Tỷ lệ cổ phần do cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần.

2.1.4. Ông Nguyễn Phú Dương - Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 13/9/1977.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

- Kinh nghiệm công tác:

+ Từ 11/1999 - 11/2001: Lao động hợp đồng, phụ trách công tác an toàn, Phòng Kỹ thuật - An toàn, Xí nghiệp Khai thác khoáng sản - Công ty Đông Bắc.

+ Từ 12/2001 - 11/2004: CNVQP, phụ trách an toàn, Phòng Kỹ thuật - An toàn, Xí nghiệp Khai thác khoáng sản, Công ty Đông Bắc.

+ Từ 12/2004 - 10/2005: Phó trưởng phòng Kỹ thuật - An toàn, Công ty Đông Bắc; Thiếu úy QNCN.

+ Từ 11/2005 - 3/2007: Trưởng phòng Kỹ thuật - An toàn, Xí nghiệp Khai thác khoáng sản - Công ty Đông Bắc.

+ Từ 04/2007 - 12/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Alumin Nhân Cơ - TKV.

+ Từ 01/2011 - 12/2015: Giám đốc Công ty xây lắp – môi trường Nhân Cơ - Vinaconmin.

+ Từ 12/2015 - 09/2020: Phó giám đốc Công ty Nhôm Đăk Nông -TKV.

+ Từ 09/2020 đến 10/2023: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP; Tổng giám đốc Công ty TNHH Khoáng Sản và luyện kim Việt Trung.

+ Từ 10/2023 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.

2.1.5. Ông Nguyễn Viết Liêm – Kế toán trưởng

- Sinh năm: 10/10/1971
- Trình độ chuyên môn: Kế toán, Thạc sỹ kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:
 - Từ 1996 - 2000: Kế toán bán hàng tại Công ty Thép VSC-POSCO;
 - Từ 2000 – 2003: Kế toán tổng hợp tại Công ty Thép VSC-POSCO;
 - Từ 2003 – 2010: Trợ lý tài chính kiêm kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Thép VSC-POSCO;
 - Từ 2010 - 2021: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Thép VSC-POSCO; từ tháng 01/2021 – tháng 9/2022: kiêm nhiệm Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Thép VSC-POSCO;
 - Từ tháng 01/2021 – 06/2021: Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán tại Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
 - Từ tháng 07/2021 – 18/11/2021: Phó Trưởng ban, phụ trách Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
 - Từ 18/11/2021 – 3/2023: Trưởng ban Tài chính Kế toán Tổng công Thép Việt Nam-CTCP.
 - Từ 3/2023 - nay: Kế toán trưởng Tổng công Thép Việt Nam-CTCP.

2.2. Những thay đổi trong Hội đồng quản trị: Không có**2.3. Những thay đổi trong ban điều hành: Không có**

2.4. Số lượng lao động cơ quan Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc, đơn vị sự nghiệp (31/12/2024): 127 người.

2.5. Chính sách về việc làm, tiền lương, tiền thưởng và chế độ phúc lợi**a) Chính sách về việc làm, tiền lương**

Trong những năm qua Tổng công ty luôn nỗ lực phát triển SXKD để đảm bảo việc làm cho người lao động, từ đó có tiền lương, thu nhập, ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống. Năm 2024, sản xuất kinh doanh Tổng công ty có hiệu quả, lợi nhuận đạt kế hoạch, tiền lương của người lao động được đảm bảo.

- Về phân phối tiền lương đối với người lao động:

Cơ quan Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc đã xây dựng và ban hành quy định phân phối tiền lương nội bộ đơn vị bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công bằng, minh bạch có sự tham gia của tổ chức công đoàn cùng cấp. Người lao động yên tâm công tác, không có thắc mắc khiếu kiện về phân phối tiền lương.

- Về nâng bậc, nâng ngạch lương đối với người lao động

Thực hiện nâng bậc lương, nâng ngạch lương định kỳ cũng như nâng bậc lương, nâng ngạch lương sớm đối với người lao động đủ thời gian và điều kiện để nâng bậc lương, nâng ngạch lương theo quy định của Tổng công ty.

b) Chính sách khen thưởng:

- Thực hiện chế độ thưởng từ quỹ lương đối với người lao động có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện chế độ khen thưởng thành tích thi đua theo quy định của Luật Thi đua Khen thưởng.

- Thực hiện thưởng sáng kiến tiết kiệm theo Quy chế của Tổng công ty.

c) Chính sách bảo hiểm và phúc lợi:

- Thực hiện các chính sách chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước. Tổng công ty thực hiện nộp đủ BHXH, đúng thời gian; thanh toán các chế độ BHXH kịp thời khi phát sinh thực hiện các chế độ bảo hiểm (giải quyết chế độ nghỉ hưu trí, nghỉ ốm đau, nghỉ thai sản,...)

Ngoài trách nhiệm đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định, người lao động được mua bảo hiểm “Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe & Hỗ trợ y tế”.

- Thực hiện các chế độ chính sách phúc lợi đối với CBNV: Nghỉ mát, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ, hỗ trợ cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, chi quà với các cháu là con CBNV vào các dịp tết thiếu nhi, tết trung thu, đạt thành tích tốt trong học tập & rèn luyện đạo đức...

d) Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ tết:

- Thực hiện bố trí lao động nghỉ phép, nghỉ lễ tết... đúng, đủ ngày, hoặc bố trí nghỉ luân phiên, nghỉ bù đảm bảo theo quy định của Bộ Luật Lao động.

2.6. Chính sách tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực

a) Tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Tổng công ty là thu hút nhân sự có năng lực, có trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề vào làm việc tại Tổng công ty.

Việc tuyển dụng lao động thực hiện theo Quy chế quản lý và tuyển dụng lao động của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP, để đáp ứng nhu cầu về lao động, đảm bảo cho công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đạt hiệu quả, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Đào tạo

Tất cả CBCNV Tổng công ty đều có quyền và nghĩa vụ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ, có tác phong, ý thức làm việc tự giác, chuyên nghiệp có tính sẵn sàng và chủ động cao trong công việc.

Tổng công ty hỗ trợ, tạo điều kiện để người lao động được tham gia các khóa đào tạo phù hợp ở trong nước và nước ngoài, nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Tổng công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án đầu tư

a) Các khoản đầu tư lớn:

Các khoản đầu tư dự án: Năm 2024, thực hiện giải ngân các dự án đầu tư trong toàn hệ thống Tổng công ty là 9,96 tỷ đồng, đạt 3% so với kế hoạch. Giá trị giải ngân đạt thấp do tại một số đơn vị có các dự án nhóm B đăng ký giải ngân trong năm 2024 nhưng hầu như không giải ngân, mới chỉ dừng ở khâu chuẩn bị đầu tư. Ngoài ra, thị trường thép tiêu thụ năm 2024 gặp rất nhiều khó khăn, nhiều đơn vị phải tiết giảm các chi phí tài chính. Tình hình thực hiện các dự án lớn cụ thể như sau:

+ Đối với dự án nhóm A: Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Công ty CP Gang thép Thái Nguyên (TISCO) do Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên làm chủ đầu tư: tiếp tục triển khai các nội dung công việc theo các chỉ đạo của Chính phủ tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương” và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ. Trong năm 2024, VNS phối hợp với bộ phận đại diện vốn của VNSTEEL tại TISCO hoàn tất Báo cáo về phương án xử lý Dự án TISCO 2 theo chỉ đạo của Chính phủ. Ngày 08/11/2024, Văn phòng Trung ương Đảng đã có văn bản số 12081-CV/VPTW về Kết luận của Bộ Chính trị về Phương án xử lý Dự án Tisco2. Hiện tại TISCO đang triển khai theo Kết luận của Bộ Chính trị.

+ Đối với các dự án nhóm B:

- Đối với 02 xin cấp phép khai thác than mỡ hầm lò khu Bắc Làng Cẩm và Nam Làng Cẩm do TISCO làm Chủ đầu tư đã được Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đầu tư. Trong năm 2024 Chủ đầu tư đã trình Sở Kế hoạch đầu tư báo cáo nghiên cứu khả thi (F/S) 02 dự án. Trong năm 2024 giá trị giải ngân 02 dự án là 0,65 tỷ đồng thanh toán tư vấn lập F/S. Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên đã có văn bản thông báo kết quả thẩm định đối với báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác than mỡ hầm lò Nam Làng Cẩm.

- Đối với Dự án sản xuất thép cán xây dựng - Bổ sung công đoạn luyện phối thép công suất 150.000 tấn sản phẩm/năm do Công ty cổ phần Thép Nhà Bè làm Chủ đầu tư: Chủ đầu tư đã hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư như phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong năm 2024 đã triển khai một số gói thầu tư vấn. Giải ngân năm 2024 là 3,66 tỷ đồng.

- Dự án xây dựng nhà máy Nhơn Trạch 2 sản xuất tôn mạ kẽm công suất 100.000 t/n và tôn mạ màu 70.000 tấn/n (Dự án di dời từ KCN Biên Hòa về KCN Nhơn Trạch II) do Tôn Phương Nam làm chủ đầu tư: đã hoàn thành lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án và đang tổ chức thẩm định phê duyệt Dự án.

- Dự án đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất gạch ốp lát Granit cao cấp công suất 4 triệu m²/năm do Công ty cổ phần RedstarCera làm chủ đầu tư: đang thực hiện

công tác chuẩn bị đầu tư nghiên cứu thị trường để lập báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án

- Đối với các dự án nhóm C: Trong năm 2024 có 18 dự án nhóm C được phê duyệt kế hoạch bao gồm các dự án khởi công mới và dự án chuyển tiếp. Có 02 dự án hoàn thành đưa vào hoạt động và 08 dự án dừng thực hiện, 08 dự án chuyển tiếp sang 2025 để thực hiện.

b) Các Công ty con, Công ty liên kết:

*** Về chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện:**

Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2024 của các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty lãi 625 tỷ đồng, trong đó:

- Các công ty hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch, trong đó có 08 Công ty con và 07 Công ty liên kết. Cụ thể:

STT	Tên công ty	Kế hoạch 2024	LNTT 2024	LNTT/KH
Khối công ty con				
1	Công ty TNHH Thép tấm lá Phú Mỹ	25.000	75.716	303%
2	MDC	phần đầu có lãi	58	
3	VSC	80	81	101%
4	Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	20.000	21.015	105%
5	Công ty cổ phần Mạ kẽm Vingal	20.000	22.925	115%
6	Công ty cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	20.000	29.769	149%
7	Công ty cổ phần Kim Khí Hà Nội	10.000	16.038	160%
8	Công ty Giao Nhận Kho Vận Vinatrans	16.500	18.248	111%
Khối công ty liên kết				
1	Thép Tấm lá Thống Nhất	1.000	59.651	5965%
2	Tôn Phương Nam	55.000	72.305	131%
3	DV thép Sài Gòn	45.000	68.612	152%
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	6.500	7.731	119%
5	Cơ khí Việt Nhật	17.000	46.672	275%
6	IBC	180.000	187.436	104%
7	Kim khí Miền Trung	12.000	14.937	124%

- Các công ty mặc dù không hoàn thành kế hoạch giao nhưng vẫn có lợi nhuận trong hệ thống Tổng công ty bao gồm:

STT	Tên công ty	Kế hoạch 2024	LNTT 2024	LNTT/KH
Khối công ty con				
1	Công ty TNHH Thép Miền Nam	55.000	13.145	24%
2	Vinausteel thép Việt Úc	20.340	10.631	52%
3	Thép Nhà Bè	3.000	2.953	98%
4	Thép Thủ Đức	7.000	787	11%

5	Thép Vicasa	8.000	1.047	13%
6	Gang thép Thái Nguyên	15.000	668	4%
Khối công ty liên kết				
1	Thép Đà Nẵng	10.000	231	2%
2	Lưới thép Bình Tây	3.000	1.620	54%
3	Redstarcera	12.500	4.692	38%
4	Natsteelvina	5.000	1.965	39%

- Năm 2024 còn một số công ty bị thua lỗ:

STT	Tên công ty	Kế hoạch 2024	LNTT 2024
Khối công ty liên kết			
1	VinaKyoei	9.000	-35.904
2	Vinapipe	5.000	-7.288
3	NippoVina	215	-11.076
4	Natsteelvina	5.000	1.965
Đầu tư khác			
1	NipponSteel	-	-106.142
2	Thép Tấm Miền Nam	-	-28

- Ngoài ra, còn một số đơn vị đang trong quá trình giải thể: Công ty Cổ phần Thép Tấm Miền Nam; Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ.

** Về hiệu quả đạt được tính trên vốn đầu tư:*

- Nhóm các đơn vị có tỷ suất lợi nhuận tương đối tốt (ROE từ 10% trở lên):

Nhóm các đơn vị có hoạt động sản xuất kinh doanh tương đối ổn định và có hiệu quả cao bao gồm: IBC (ROA đạt 16%, ROE đạt 23%); SGC (ROA đạt 8%, ROE đạt 25%); VJE (ROA đạt 13%, ROE đạt 17%); VINGAL (ROA đạt 12%, ROE đạt 15%).

Nhóm các đơn vị có hiệu quả tốt năm 2024 nhưng chưa ổn định hoặc còn lỗ lũy kế gồm: KKHN (ROA đạt 3%, ROE đạt 11%); TNS (ROA đạt 11%, ROE đạt 63% và lỗ lũy kế còn 121,9 tỷ)

- Nhóm các đơn vị có tỷ suất lợi nhuận trung bình, khá (ROE từ 5% đến 9%):

Đây là nhóm các đơn vị có hiệu quả sản xuất kinh doanh đạt mức trung bình, khá bao gồm: Kim khí Miền Trung (ROA đạt 1% và ROE đạt 8%); Tấm Lá Phú Mỹ (ROA đạt 3% và ROE đạt 7%); Vinatrans (ROA đạt 6%, ROE đạt 7%); Kim Khí Hồ Chí Minh (ROA đạt 2%, ROE đạt 6%); Vinausteel (ROA đạt 1%, ROE đạt 5%); Tôn Phương Nam (ROA đạt 1%, ROE đạt 5%).

- Nhóm các đơn vị còn lại có lãi nhưng tỷ suất lợi nhuận thấp dưới 5%:

Nhóm các đơn vị kinh doanh có lãi nhưng tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ chưa được cao bao gồm: TVT (ROA đạt 3%, ROE đạt 4%); Lưới thép Bình Tây (ROA đạt 4%, ROE đạt 4%); Redstarcera (ROA đạt 1%, ROE đạt 4%)

- Các công ty còn lại bị lỗ vốn.

* Về tình hình bảo toàn vốn đầu tư tại các doanh nghiệp:

Trong năm 2024 vẫn còn một số Công ty có lỗ lũy kế hoặc có nợ khó đòi, cụ thể:

- Có 9 Công ty có lỗ lũy kế bao gồm: Công ty CP Thép Tấm Miền Nam, Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC – VNSTEEL, Công ty TNHH Nasteelvina, Công ty TNHH Ống thép Việt Nam, Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung, Công ty TNHH Nippovina, Công ty TNHH Thép Vinakyoei, Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất, Công ty CP Thép Đà Nẵng.

- Các công ty có công nợ khó đòi trên 10 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024: Công ty CP Gang thép Thái Nguyên (552,9 tỷ đồng), Công ty CP Kim khí Hồ Chí Minh (58,8 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội (45 tỷ đồng), Công ty TNHH Nippovina (24,7 tỷ đồng), Công ty TNHH Natsteelvina (21,4 tỷ đồng); Công ty TNHH Kim khí Miền Trung (18,5 tỷ đồng), Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam (11,3 tỷ đồng)

- Về danh mục các Công ty phải giám sát tài chính đặc biệt tại ngày 31/12/2024 có 11 Công ty: Công ty CP Thép Tấm Miền Nam, Công ty CP Gang thép Thái Nguyên, Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC – VNSTEEL, Công ty TNHH MTV Vinausteel, Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung, Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất, Công ty CP Tân Thành Mỹ, Công ty TNHH Ống thép Việt Nam, Công ty CP Kim khí Miền Trung, Công ty CP RedstarCera, Công ty TNHH Nippovina.

4. Tình hình tài chính (hợp nhất)

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tăng/giảm	% Tăng/giảm
Tổng Tài sản	25.116.005.572.669	23.346.278.189.831	1.769.727.382.838	108%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.154.647.273.525	30.305.110.321.037	5.849.536.952.488	119%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.189.842.490.011	999.253.114.564	190.589.375.447	119%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	207.499.282.935	-292.917.146.009	500.416.428.944	-71%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	357.494.027.337	-251.791.013.065	609.285.040.402	-142%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	310.007.632.112	-289.653.459.419	599.661.091.531	-107%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,03	0,98
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,59	0,61
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,63	0,60
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,68	1,52
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,35	6,69
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,44	1,30
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,86%	-0,96%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,30%	-3,12%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,23%	-1,24%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,57%	-0,97%

Ghi chú: Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng công ty năm 2024 (đã được kiểm toán) đã được công bố thông tin trên website của Tổng công ty: www.vnsteel.vn

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn điều lệ : 6.780.000.000.000 đồng
- Cổ phiếu lưu hành : 678.000.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
- Cơ cấu vốn cổ phần (tại thời điểm ngày 31/12/2024)

Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
I. Cổ đông tổ chức			
1. Trong nước	19	647.540.414	95,551%
2. Nước ngoài	0	0	0,0%
II. Cổ đông cá nhân			
1. Trong nước	6536	29.870.776	4,4%

2. Nước ngoài		14		588.810		0,087%
Tổng số		6569		678.000.000		100%

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty mẹ Tổng công ty không thuộc danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Công ty mẹ Tổng công ty thực hiện chức năng quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết nên không trực tiếp sản xuất, kinh doanh. Công ty mẹ Tổng công ty không trực tiếp sản xuất, kinh doanh, do vậy không thống kê số liệu nguyên vật liệu

6.3. Tiêu thụ nước:

Công ty mẹ Tổng công ty không trực tiếp sản xuất, kinh doanh, do vậy không thống kê số liệu.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động: tham chiếu tại mục 2.4 đến 2.6

6.6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Công tác An sinh xã hội (ASXH) vẫn luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Tổng công ty cũng như các đơn vị trong hệ thống quan tâm thực hiện, tham gia tích cực vào các hoạt động vì cộng đồng, đóng góp vào công tác ASXH ở các địa phương, đặc biệt những địa phương nơi có trụ sở các đơn vị trú đóng. Việc tích cực và tự nguyện tham gia các chương trình ASXH thể hiện trách nhiệm của mỗi đơn vị cũng như trách nhiệm của Tổng công ty đối với cộng đồng xã hội. Chính vì vậy, hàng năm Tổng công ty luôn dành một phần kinh phí để tham gia các hoạt động vì cộng đồng đóng góp một phần vào công tác An sinh chung của toàn xã hội.

Năm 2024, Tổng công ty tiếp tục duy trì và tích cực tham gia thực hiện nhiều hoạt động ASXH thiết thực, đặc biệt là các hỗ trợ cho công tác xây dựng nhà ở, trao quà nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Thương binh liệt sỹ đối với các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, các gia đình chính sách tại các đơn vị trong hệ thống tổng công ty, các địa phương có đơn vị của Tổng công ty trú đóng trên địa bàn nơi có đơn vị của Tổng công ty trú đóng.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Thị trường thép thế giới năm 2024, diễn biến khó khăn khi nhu cầu thấp ở hầu hết các khu vực thị trường và giá thép giảm liên tục. Trong nước, ngành thép mặc dù có phục hồi so với năm trước nhưng vẫn phải đối mặt nhiều khó khăn, thách thức: sự hồi phục không đồng đều giữa các nhóm ngành hàng và khu vực vùng miền, đầu tư xây dựng và cơ sở hạ tầng vẫn còn nhiều khó khăn, áp lực cạnh tranh về giá trên thị trường nội địa khi hàng nhập khẩu giá rẻ gia tăng, căng thẳng thương mại và các động thái hướng tới chủ nghĩa bảo hộ ảnh hưởng sâu rộng đến hoạt động xuất nhập khẩu...

Trong bối cảnh thị trường thép có nhiều biến động, Tổng công ty đã chủ động chỉ đạo, điều hành quyết liệt, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, tận dụng cơ hội để cải thiện và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Kết quả năm 2024, Tổng công ty hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng, tổng tiêu thụ thép thành phẩm các loại vượt mục tiêu đặt ra.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình quản lý tiền mặt: Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2024 là 2.199 tỷ đồng chiếm 9% tổng tài sản, tăng 847 tỷ so với cùng kỳ năm trước.

- Tình hình công nợ phải thu: Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại thời điểm 31/12/2024 là 3.200 tỷ đồng, trong đó số trích lập dự phòng là 567,1 tỷ đồng.

- Hoạt động thoái vốn các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

i) Thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-VNS ngày 28/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP trong đó nhất trí thông qua dừng thực hiện Đề án Tái cấu trúc Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP giai đoạn 2015-2016 và 2016-2020. Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động của một số đơn vị mà Tổng công ty có vốn góp chiếm tỷ lệ thấp, một số đơn vị hoạt động không hiệu quả, Tổng công ty đã xây dựng Kế hoạch tái cơ cấu các đơn vị thành viên trong hệ thống Vnsteel để báo cáo Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt.

Việc tổ chức thoái vốn của VNS tại các đơn vị sản xuất thép trên diễn ra trong bối cảnh không thuận lợi, do trong thời gian qua thị trường thép diễn biến theo chiều hướng xấu và dự báo sẽ tiếp tục xu hướng này trong thời gian sắp tới, kéo dài ít nhất cho đến giữa năm 2024. Trước tình hình đó, nhiều doanh nghiệp đã buộc phải tiết giảm sản xuất, hoặc thậm chí ngừng sản xuất. Do vậy, không có nhà đầu tư quan tâm đến việc mua cổ phần của các đơn vị sản xuất thép.

ii) Đối với việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Gang Thép Thái Nguyên, Tổng công ty đã xây dựng đề án Tái cơ cấu Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (Tisco) và xử lý Dự án đầu tư mở rộng sản xuất giai đoạn 2 (dự án Tisco2) trong đó có Phương án thoái vốn báo cáo các cấp có thẩm quyền. Đến thời điểm hiện nay đang

thực hiện phương án xử lý Dự án Tisco2 theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền trong đó thực hiện phương án kiểm đếm các trang thiết bị đã chuyển đến hiện trường của Dự án Tisco2 mà chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu MCC trên cơ sở đó xây dựng phương án xử lý dứt điểm Dự án Tisco2. Hiện tại, Tisco và MCC đang thực hiện kiểm đếm trang thiết bị. Sau khi hoàn tất việc kiểm tra, đánh giá thiết bị đã thanh toán cho MCC và phương án đề xuất khôi phục Dự án Tisco2 của MCC, thì mới có đầy đủ căn cứ, cơ sở để xem xét và đánh giá tổng thể Phương án xử lý dứt điểm đối với Dự án Tisco2 và báo cáo gửi các cấp có thẩm quyền.

iii) Đối với Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung đang tiếp tục hoàn thiện Đề án Tái cơ cấu để báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt. Trong trường hợp các bên liên doanh không thống nhất được việc thông qua Đề án Tái cơ cấu VTM, Tổng công ty sẽ đề xuất lựa chọn phương án thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty tại VTM lên các cấp có thẩm quyền.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

3.1. Trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư

- Tổng công ty giao quyền tự chủ cho các đơn vị, gắn trách nhiệm với hiệu quả cuối cùng. Đồng thời thông qua các đại diện vốn tăng cường công tác quản trị điều hành, hỗ trợ các đơn vị trong cung cấp nguyên vật liệu đầu vào, tiêu thụ sản phẩm đầu ra; điều phối kế hoạch sản xuất kinh doanh giữa các đơn vị nhằm tận dụng tối đa nguồn lực của từng đơn vị; tăng cường phối hợp giữa các đơn vị nhằm phát huy sức mạnh hệ thống.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong các lĩnh vực về quản trị, tài chính, đầu tư, quản lý chất lượng sản phẩm; kịp thời đề xuất các giải pháp, xử lý các vi phạm thông qua kiểm tra, giám sát theo quy định tại Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của Tổng công ty.

- Tăng cường công tác quản lý công nợ, thường xuyên có văn bản yêu cầu đơn vị báo cáo các biến động phát sinh công nợ phải thu tại đơn vị, kịp thời chấn chỉnh các trường hợp phát sinh nợ phải thu đột biến, kéo dài nhằm hạn chế tối đa nợ khó đòi.

- Công tác quản lý vốn và tài sản trong năm 2024 có hiệu quả hơn, đảm bảo thanh toán đúng hạn các khoản nợ vay ngân hàng, không phát sinh khó đòi và nợ phải trả quá hạn. Các chỉ số khả năng thanh toán nợ chung và khả năng thanh toán nợ đến hạn của Tổng công ty đều trong phạm vi kiểm soát an toàn.

3.2. Trong công tác tái cấu trúc, thoái vốn, đổi mới doanh nghiệp

3.2.1. Tái cơ cấu về tổ chức trong hệ thống và quản trị Tổng công ty:

a) Về tổ chức trong hệ thống: nghiên cứu tổ chức lại các phòng ban nghiệp vụ tổng công ty theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền

b) Về quản trị:

- Tiếp tục việc rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế của Tổng công ty.

- Thực hiện luân chuyển, cử các Đại diện vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

3.2.2. Thoái vốn tại Công ty con, công ty liên kết:

- Tổng công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu một số đơn vị thành viên Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP trong năm 2024 đã hoàn thành việc mua lại phần vốn của đối tác tại công ty trong hệ thống.

3.3. Các vướng mắc liên quan đến công tác quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty:

Do thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tổng công ty diễn ra trong giai đoạn chuyển tiếp giữa Nghị định 109/NĐ-CP và Nghị định 59/NĐ-CP và có những thay đổi về hiện trạng đất của Tổng công ty, dẫn tới phát sinh những vướng mắc trong việc xử lý các tồn tại về đất đai khi cổ phần hóa (các vướng mắc khi xác định giá trị lợi thế vị trí địa lý và giá trị quyền sử dụng đất khi bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần). Đối với các vướng mắc liên quan đến công tác quyết toán cổ phần hóa, Tổng công ty đã có nhiều văn bản và nhiều lần làm việc với các cấp thẩm quyền, song những vướng mắc trên vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

Trong năm 2022, Bộ Công thương có văn bản đề nghị Vnsteel triển khai thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ quyết toán cổ phần hóa theo quy định làm cơ sở pháp lý cho việc xem xét quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty. Tổng công ty đã tiến hành các thủ tục thuê đơn vị tư vấn độc lập theo yêu cầu của Bộ Công thương. Đến ngày 10/3/2023, Tổng công ty đã trình bộ hồ sơ quyết toán cổ phần hóa được đơn vị tư vấn độc lập thực hiện để Bộ Công thương sớm xem xét, phê duyệt hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa của Tổng công ty. Tổng công ty vẫn đang bám sát Bộ Công thương trong công tác phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

3.4. Các công tác khác:

- Tổ chức kiểm tra và đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cũng như chất lượng sản phẩm tại các đơn vị; xây dựng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật năm 2022 cho các đơn vị.

- Chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy trình, quy phạm trong sản xuất, nơi làm việc, thực hiện tốt các quy định của nhà nước về đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

- Tổ chức kiểm tra việc thành lập, kiện toàn và triển khai hoạt động của các Ban chỉ đạo Phòng chống tham nhũng tại các Công ty, đơn vị trong hệ thống gắn với nhiệm vụ được phân công cho từng thành viên.

- Tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Tổng công ty phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

4. Kế hoạch năm 2025:

a. Mục tiêu kế hoạch tổng thể:

- Thị trường thép năm 2025 tiếp tục đối mặt nhiều khó khăn, thách thức: kinh tế thế giới còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng; thị trường thép trong nước cung vượt cầu, cạnh tranh ngày càng gay gắt, áp lực cạnh tranh với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ, ASEAN; chính sách thuế và phòng vệ thương mại gia tăng ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu; chuyển đổi công nghệ sản xuất xanh, giảm thiểu phát thải,...

Trên cơ sở những dự báo và nhận định về tình hình thị trường thép năm 2025, Tổng công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 với mục tiêu tiếp tục giữ vững thị trường, thị phần, tận dụng cơ hội thị trường để cải thiện và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

b. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2025:

- | | |
|---|------------------|
| - Tổng doanh thu BCTC hợp nhất | : 34.000 tỷ đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế trên BCTC hợp nhất | : 180 tỷ đồng |
| - Tổng doanh thu BCTC riêng | : 1.809 tỷ đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế trên BCTC riêng | : 20 tỷ đồng |

5. Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024:

5.1. Đối với ý kiến liên quan đến Công ty CP Gang Thép Thái Nguyên (TISCO):

+ Đơn vị kiểm toán AASC đưa ra ý kiến ngoại trừ “ không thể xác định được ảnh hưởng đến:

- Giá trị các khoản mục “Trả trước cho người bán”, “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”, “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” có liên quan đến Dự án được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

- Giá trị chi phí lãi vay được vốn hóa vào Dự án (trình bày tại thuyết minh số 10) kể từ thời điểm Dự án chậm tiến độ.

- Và, tổn thất có thể có liên quan đến dự án cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.”

Dự án mở rộng Gang thép giai đoạn 2 - Công ty Gang thép Thái Nguyên được triển khai từ năm 2007, việc đầu tư dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Hiện tại, Chính phủ và các cơ quan có liên quan đang trong quá trình xử lý các sai phạm, tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn để hoàn thành dự án.

+ Đơn vị kiểm toán AASC đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trích thừa của mỏ than Bắc Làng Cẩm, mỏ than Nam Làng Cẩm và Dự án khai thác hầm lò Cánh Chìm-mỏ than Phấn Mễ vào thu nhập khác trong năm 2024.

Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với một số khu vực mỏ của Mỏ than Phấn Mễ đến tháng 5/2022. Căn cứ vào sản lượng tài nguyên khai thác thực tế đến 31/12/2024 đã quyết toán theo các quy định của pháp luật về tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, TISCO tính toán và hoàn nhập phần chênh lệch đã hạch toán quá vào chi phí từ các năm trước vào thu nhập năm 2024. Hiện tại, TISCO đang tích cực làm việc với Bộ Tài Nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) để sớm được cấp đổi giấy phép khai thác đối với khu vực Nam Làng cặm và được phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng còn lại của khu vực Nam Làng Cặm.

5.2. Đối với ý kiến ngoại trừ liên quan đến Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được đầu tư gián tiếp thông qua Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Việt Nam (Vinatrans): Do sự khác biệt về niên độ tài chính và tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty Vinatrans tại các công ty liên kết thấp, nên việc quyết định thời điểm phát hành báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty liên kết không tuân thủ theo thời điểm Công ty Vinatrans phát hành báo cáo tài chính đã kiểm toán.

5.3. Đối với ý kiến liên quan đến Công ty CP Sắt Thạch Khê:

Đơn vị kiểm toán AASC đưa ra ý kiến kiểm ngoại trừ “không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với giá trị dự phòng của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê và ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty”.

Dự án đã được khởi động từ năm 2009, tuy nhiên do nhiều vướng mắc về kỹ thuật, môi trường chưa được giải quyết nên đến thời điểm hiện tại dự án mới chỉ dừng lại ở hạng mục bốc dỡ đất đá tầng phủ (đã thực hiện từ 2009).

Tổng Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giá gốc của khoản đầu tư và giá trị dự phòng vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê tại ngày 31/12/2024 lần lượt là 274,24 tỷ VND và 3,76 tỷ VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 274,24 tỷ VND và 3,37 tỷ VND. Hiện nay, Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê đang trong giai đoạn tạm dừng hoạt động chờ quyết định của Chính phủ để xem xét chủ trương tiếp tục triển khai dự án Mỏ sắt Thạch Khê.

5.4. Đối với ý kiến liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty:

Tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2011 và đã hoàn thành hồ sơ quyết toán cổ phần hóa trình Bộ Công thương thẩm định. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất, Bộ Công thương và các cơ quan nhà nước có liên quan đang trong quá trình thực hiện việc quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024:

1.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ các quyền hạn, trách nhiệm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị căn cứ nhiệm vụ được phân công phụ trách đã lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát các lĩnh vực công tác; thẩm định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và ban hành các nghị quyết, quyết định; đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban Điều hành, qua đó triển khai quyết liệt các giải pháp tháo gỡ khó khăn để đảm bảo duy trì hoạt động SXKD ổn định, tạo việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Tổng công ty, hỗ trợ hoạt động điều hành của Ban Điều hành. Năm 2024, Hội đồng quản trị duy trì chế độ họp theo đúng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty. Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp bằng nhiều hình thức, trong đó có 04 cuộc họp định kỳ hàng quý nhằm rà soát, đánh giá kết quả hoạt động của Ban Điều hành, đồng thời trao đổi, bàn bạc, thông qua các chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ để giao Ban Điều hành thực hiện ở các quý tiếp theo. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty. Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã ban hành 96 Nghị quyết, 93 Quyết định, 85 báo cáo và 6 thông báo kết luận cuộc họp liên quan đến các hoạt động của Tổng công ty. Thông qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực tham gia vào những hoạt động quan trọng của Tổng công ty và đã đưa ra những quyết định về chủ trương, phương hướng trên các lĩnh vực SXKD, tài chính, đầu tư, tái cơ cấu Tổng công ty trong năm 2024.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo rà soát các quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty, để đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản trị doanh nghiệp và ý kiến chỉ đạo của chủ sở hữu.

- Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia các cuộc họp giao ban của Ban Điều hành để nắm tình hình, tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong hoạt động SXKD, kịp thời phối hợp với Ban điều hành tìm giải pháp tháo gỡ. Chỉ đạo công tác đánh giá, phân tích kết quả SXKD các quý trong năm 2024 để có các giải pháp tích cực, chủ động thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông năm 2024 giao.

- HĐQT đã thông qua Ban Điều hành để chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống: tập trung SXKD, phát huy tối đa công suất máy móc, trang thiết bị và năng lực sản xuất; đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành; đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Chỉ đạo và kiểm soát việc phối hợp giữa các đơn vị trong hệ thống trong việc ưu tiên sử dụng sản phẩm và dịch vụ của nhau trên nguyên tắc thị trường. Chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý, thu hồi công nợ, đặc biệt là nợ khó đòi, quản lý tồn kho tại các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty.

Mặc dù tình hình sản SXKD còn gặp nhiều khó khăn trong năm 2024, song với tinh thần trách nhiệm cao, Hội đồng quản trị đã có nhiều cố gắng, nỗ lực để lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt Tổng công ty nỗ lực hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

- Việc xử lý dự án Tisco 2 và tháo gỡ khó khăn cho hoạt động SXKD của Công ty Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung:

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc khẩn trương xử lý dứt điểm các tồn tại, vướng mắc đối với Dự án Tisco 2 và Dự án Công ty Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung là điều kiện tiên quyết để duy trì sự tồn tại và phát triển của Tổng công ty, trên cơ sở bám sát các ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), liên tục trong các năm qua, đặc biệt trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tập trung mọi nguồn lực để lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho dự án này; đồng thời, xác định đây một trong những vụ chính trị trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của toàn Tổng công ty. Đến thời điểm này, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, UBQLVNN tại DN và SCIC, việc xử lý 2 dự án đã đạt được những bước tiến đáng kể, mang tính đột phá, với việc vừa qua, Bộ Chính trị đã ban hành các kết luận về định hướng, nguyên tắc, trình tự xử lý đối với 2 Dự án, trên cơ sở đề xuất của doanh nghiệp và SCIC. Như vậy, sau nhiều năm rơi vào bế tắc, tưởng chừng không có lối thoát, kết quả này đã giúp mở ra những hướng đi mới, rõ ràng, khả thi và phù hợp hơn với thực tế, qua đó giúp bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp, kịp thời giải phóng các nguồn lực, tránh lãng phí các máy móc, thiết bị, tài sản và nguồn lực xã hội đã đầu tư vào Dự án. Trong bối cảnh tình hình SXKD của nhiều đơn vị thành viên gặp nhiều khó khăn, những kết quả đạt được trong việc xử lý 2 dự án Tisco và VTM là điểm sáng đáng chú ý trong toàn bộ kết quả hoạt động chung của Tổng công ty.

- Công tác Đại hội cổ đông thường niên/bất thường:

+ Tổng công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

+ HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tập trung thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-VNS ngày 26/4/2024 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ quy định.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách quyết liệt, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường giám sát hoạt động của Ban Điều hành, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Tổng công ty, của các cổ đông cũng như quyền lợi của người lao động, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty.

1.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành:

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tích cực thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành SXKD của Tổng công ty

thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định và ý kiến chỉ đạo tại các cuộc họp giao ban định kỳ; đồng thời, thực hiện việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành trong việc thực hiện các văn bản chỉ đạo do Hội đồng quản trị ban hành.

- Ban Điều hành Tổng công ty đã chủ động, linh hoạt bám sát các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, có các giải pháp hợp lý trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành; tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên tất cả các lĩnh vực với từng mục tiêu cụ thể; bám sát, tập trung chỉ đạo và tháo gỡ khó khăn đối với các dự án đầu tư trọng điểm của Tổng công ty.

- Năm 2024, mặc dù tình hình SXKD của Tổng công ty còn gặp nhiều khó khăn, song với tinh thần trách nhiệm cao, Ban Điều hành đã có nhiều cố gắng, nỗ lực để lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị

a) Ưu điểm

- Chấp hành nghiêm chính sách, pháp luật của Nhà nước, triển khai đầy đủ các chỉ đạo của chủ sở hữu về quản lý doanh nghiệp. Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, ý kiến chỉ đạo của SCIC, đảm bảo Tổng công ty được vận hành theo đúng mục tiêu, định hướng của Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước tại doanh nghiệp.

- Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành đã xây dựng hệ thống các quy chế quản trị và các quy định quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và triển khai thực hiện nền nếp và có hiệu quả trong Tổng công ty.

- Tổng công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp của năm 2024, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn thử thách để thực hiện các chỉ tiêu Đại hội Đồng cổ đông năm 2024 giao.

- Tập thể Hội đồng quản trị luôn duy trì và phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất. Các nội dung xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị đều được trao đổi, thảo luận thẳng thắn và cùng hướng tới một mục đích đó là vì sự ổn định và phát triển bền vững của Tổng công ty.

- Hội đồng quản trị đã phối hợp tốt với Ban Điều hành và các phòng ban chuyên môn giúp việc của Tổng công ty và các Ban của SCIC để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ, trung thực và đúng thời gian quy định.

- Các thành viên trong Hội đồng quản trị đều thực hiện đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ theo chức năng, nhiệm vụ được quy định.

b) Hạn chế

Kết quả thực hiện nhiều chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD năm 2024 của Tổng công ty nói chung và công ty mẹ Tổng công ty nói riêng đều hoàn thành vượt kế hoạch đề ra và tăng khá so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là các đơn vị sản xuất thuộc khối thép dẹt. Tuy nhiên, đối với mặt hàng thép xây dựng, mặc dù có tăng trưởng so với năm trước nhưng sản lượng tiêu thụ chưa đạt kế hoạch năm. Thực tế này xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan sau đây:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế chậm lại, thương mại toàn cầu suy giảm, thị trường thép xây dựng gặp nhiều khó khăn, các dự án đầu tư, bất động sản triển khai còn chậm, tiêu thụ của ngành thép vẫn chưa tăng trưởng như kỳ vọng. Mặt khác, chính sách tiền tệ thắt chặt mà nhiều Ngân hàng trung ương áp dụng trong năm 2024 đã tác động mạnh tới doanh nghiệp và các hoạt động kinh tế, đầu tư, tiêu dùng toàn cầu trong đó có lĩnh vực tiêu thụ thép.

+ Giảm giá tiếp tục là xu hướng chủ đạo của thị trường thép thế giới trong năm 2024, đã khiến cho ngành thép khó có cơ hội cải thiện hiệu quả SXKD. Bên cạnh nhu cầu yếu, việc giảm giá thép liên tục và diễn ra trong suốt thời gian dài còn do tác động tiêu cực từ thị trường thép Trung Quốc khi nền kinh tế của quốc gia này phục hồi chưa bền vững, kéo theo rủi ro hệ thống ngân hàng, nợ công, nợ doanh nghiệp bất động sản gia tăng. Các thị trường xuất khẩu truyền thống của Việt Nam cũng chứng kiến sự sụt giảm mạnh về nhu cầu nhập khẩu thép, qua đó làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng thép xuất khẩu của Việt Nam.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Trong một thời gian dài vừa qua, Tổng công ty hầu như không có những khoản đầu tư mới, trong khi năng lực sản xuất chung của toàn hệ thống tiếp tục suy giảm do kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu, thoái vốn tại một số đơn vị thành viên.

+ Năng lực sản xuất và giá thành của hầu hết các đơn vị trong hệ thống không cạnh tranh so với các đối thủ. Công nghệ, thiết bị của các đơn vị trong hệ thống nhìn chung đều cũ, xuống cấp, công suất nhỏ, năng lực sản xuất và chủng loại sản phẩm hạn chế, một số đơn vị năng lực sản xuất đã chạm giới hạn; trong khi đó các đối thủ không ngừng mở rộng quy mô sản xuất với công nghệ hiện đại và khép kín, đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

+ Một số công việc còn tồn đọng chưa giải quyết xong: Việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty; việc tháo gỡ khó khăn cho Dự án Tisco 2, Nhà máy Gang thép Lào Cai của Công ty Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung.

Từ những phân tích trên cho thấy, kết quả SXKD năm 2024 của Tổng công ty và nhiều đơn vị thành viên đã có những chuyển biến rất tích cực, các tồn đọng và khó khăn chủ yếu là do các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng và không nằm ngoài diễn biến chung mà hầu hết các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thép trên thị

trường đang phải đối mặt. Các nguyên nhân chủ quan đã diễn ra trong suốt thời gian dài và đòi hỏi những giải pháp tổng thể, đồng bộ để từng bước khắc phục.

3. Những định hướng quan trọng

Hội đồng quản trị thống nhất nhận định:

Dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; xung đột địa chính trị và cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng gay gắt hơn; căng thẳng thương mại gia tăng, việc thay đổi chính sách của một số nền kinh tế lớn cũng tạo ra những rủi ro tiềm ẩn đối với tăng trưởng toàn cầu. Hiệp hội Thép Thế giới (WSA) đưa ra dự báo lạc quan nhưng thận trọng về sự phục hồi của nhu cầu tiêu thụ thép toàn cầu năm 2025. Thị trường thép khu vực ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng sẽ không chỉ gặp khó khăn từ nhu cầu tiêu thụ thép thành phẩm tăng trưởng chậm lại mà còn chịu thêm áp lực từ thép xuất khẩu của Trung Quốc được dự báo sẽ tiếp tục gia tăng, nhất là sau khi thép Trung Quốc đối mặt nguy cơ bị hạn chế nhập khẩu vào Mỹ. Ngoài ra, các quốc gia Đông Nam Á còn đưa vào hoạt động các nhà máy thép mới khiến cho sức ép cạnh tranh trên thị trường khu vực ASEAN càng tăng cao.

Đối với Tổng công ty, năng lực cạnh tranh có phần hạn chế do quy mô phân tán, nhiều đơn vị có công nghệ, thiết bị cũ, không được đầu tư phát triển trong những năm gần đây, đặt trong bối cảnh thị trường dư thừa công suất, nhu cầu suy giảm mạnh, hoạt động xuất khẩu bị ảnh hưởng, các đơn vị sẽ tăng cường cạnh tranh trên thị trường trong nước,... vì vậy dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sẽ bị tác động lớn hơn so với bình quân thị trường.

Do vậy, mục tiêu chủ đạo trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty là tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả; đảm bảo tài chính cân đối lành mạnh; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, uy tín, sức cạnh tranh của các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty nhằm tối đa hóa giá trị lợi ích cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động. Ngoài ra, để nâng cao công suất tại một số đơn vị chủ lực trong hệ thống, Tổng công ty sẽ rà soát và tập trung đầu tư một số Dự án trọng điểm.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Cơ sở của ý kiến kiểm toán loại trừ

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến các khoản mục có liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm:

1.1. Như Tổng Công ty trình bày tại thuyết minh số 40, "Dự án mở rộng Gang thép giai đoạn 2 - Công ty Gang thép Thái Nguyên" (sau đây gọi tắt là "Dự án") được triển khai từ năm 2007, việc đầu tư dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Hiện tại, Chính phủ và các cơ quan có liên quan đang trong quá trình xử lý các sai phạm, tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn để hoàn thành dự án. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của các vấn đề này đến:

- Giá trị các khoản mục "Trả trước cho người bán", "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang", "Phải trả người bán", "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" có liên quan đến Dự án được Tổng Công ty trình bày tại các thuyết minh số 7, 11, 17, 23 cũng như các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Giá trị chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị Dự án (trình bày tại thuyết minh số 11) kể từ thời điểm Dự án chậm tiến độ.

- Và tổn thất có thể có liên quan đến dự án cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

1.2. Như trình bày tại Thuyết minh 32, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên đã ghi nhận hoàn nhập tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trích thừa của mỏ than Bắc Làng Cẩm, mỏ than Nam Làng Cẩm và Dự án khai thác hầm lò Cánh Chim - mỏ than Phấn Mễ vào thu nhập khác trong năm 2024 với giá trị là 51,04 tỷ VND. Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên vẫn đang trong quá trình làm việc với các cơ quan có thẩm quyền về việc cấp đổi giấy phép khai thác đối với mỏ than Nam Làng Cẩm. Chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc ghi nhận này, do đó chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan đến vấn đề này trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo liên quan đến vấn đề này hay không.

1.3. Tổng Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giá gốc của khoản đầu tư và giá trị dự phòng vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là 274,24 tỷ VND và 3,76 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 274,24 tỷ VND và 3,37 tỷ VND). Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê được thành lập từ năm 2007 để thực hiện đầu tư dự án khai thác quặng sắt tại mỏ sắt Thạch Khê thuộc huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay, Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê đang trong giai đoạn tạm dừng hoạt động chờ quyết định của Chính phủ về chủ

trương tiếp tục triển khai dự án Mô sắt Thạch Khê hay không. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với khoản mục "Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn" và các khoản mục có liên quan trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty.

1.4. Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết, gồm: Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật, Công ty TNHH Nissin Logistics (Việt Nam), Công ty TNHH Lotte Vinatrans Global Logistics (Việt Nam) và Công ty TNHH Agility cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được sử dụng để hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính kèm theo chưa được kiểm toán. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến mức độ tin cậy của các thông tin trong các báo cáo tài chính chưa được kiểm toán này của các công ty liên kết nêu trên. Do đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh hoặc thuyết minh bổ sung cho báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo hay không.

1.5. Như Tổng Công ty trình bày tại Thuyết minh số 11 và 42, tiền thuê đất liên quan đến các lô đất mà Tổng Công ty đã ký Thỏa thuận hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Địa ốc An Huy đang được trình bày trên khoản mục Chi phí sản xuất dở dang dài hạn với tổng số tiền tại ngày 31/12/2024 là 20.132.897.938 VND (tại ngày 01/01/2024: 16.833.173.082 VND). Tổng Công ty đã gửi các văn bản đề nghị chấm dứt Thỏa thuận hợp tác đầu tư nhưng chưa nhận được phản hồi từ Công ty Cổ phần Địa ốc An Huy, do đó chúng tôi chưa thể xác định được khả năng thu hồi của số tiền nêu trên cũng như các điều chỉnh cần thiết nếu có đối với Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1.6. Như Tổng Công ty trình bày tại thuyết minh số 39, đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Công Thương và các cơ quan nhà nước có liên quan đang trong quá trình thực hiện việc quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024, Công ty Cổ phần Thép Miền Nam - VNSTEEL (công ty con của Tổng Công ty) đang ghi nhận trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" (Thuyết minh số 15) giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê với tổng số tiền là 45,75 tỷ VND mà chưa thực hiện phân bổ vào kết quả kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo ý kiến của kiểm toán, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực

kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh:

- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Thái Trung đang tạm dừng hoạt động để hoàn thiện thủ tục xin giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật (Chi tiết tại thuyết minh số 1).

- Tổng Công ty có các cam kết về góp vốn và bảo lãnh (Chi tiết tại thuyết minh số 40).

- Trong năm, Tổng Công ty đã mua lại toàn bộ phần vốn góp của Vietnam Industrial Investment Ltd. trong Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel ("Vinausteel"), theo đó, khoản đầu tư vào Vinausteel được chuyển từ khoản đầu tư vào công ty liên doanh sang khoản đầu tư vào công ty con (đổi tên thành Công ty TNHH MTV Vinausteel) (Chi tiết tại thuyết minh số 1). Vinausteel đang trong quá trình chuyển giao không bồi hoàn toàn bộ tài sản cố định ("TSCĐ") của Công ty cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ("SCIC") theo Giấy phép đầu tư số 898/GP ngày 28 tháng 06 năm 1994 và các lần sửa đổi cũng như đang chờ SCIC xin ý kiến Cơ quan Quản lý Nhà nước về việc nhận chuyển giao và cho Vinausteel tiếp tục sử dụng (theo các hình thức phù hợp) TSCĐ chuyển giao để liên tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới (Chi tiết tại thuyết minh số 42).

- Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

a) Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	31/12/2024	01/01/2024
TÀI SẢN			
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	12.878.645.901.107	10.706.464.225.637
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2.199.212.226.389	1.351.540.926.819
1. Tiền	111	796.962.226.389	519.640.315.312
2. Các khoản tương đương tiền	112	1.402.250.000.000	831.900.611.507
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	1.353.202.715.404	1.984.300.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.353.202.715.404	1.984.300.000.000

III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3.006.477.318.572	2.787.878.268.828
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.200.047.253.633	2.903.935.815.563
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	73.411.637.473	81.844.001.399
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	299.957.265.409	394.375.453.751
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(567.128.569.034)	(592.389.996.910)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139	189.731.091	112.995.025
IV. Hàng tồn kho	140	5.465.532.860.711	4.046.856.374.285
1. Hàng tồn kho	141	5.544.788.946.843	4.111.348.255.344
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(79.256.086.132)	(64.491.881.059)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	854.220.780.031	535.888.655.705
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	76.680.554.461	83.023.906.525
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	718.821.285.681	414.287.979.150
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	58.718.939.889	38.576.770.030
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	12.237.359.671.562	12.639.813.964.194
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	65.878.348.952	62.875.900.474
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	21.046.613.341	21.046.613.341
6. Phải thu dài hạn khác	216	44.831.735.611	41.829.287.133
II. Tài sản cố định	220	2.437.878.337.651	2.665.269.949.200
1. Tài sản cố định hữu hình	221	1.610.428.645.910	1.835.259.788.876
- Nguyên giá	222	12.552.242.137.625	12.312.251.405.629
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(10.941.813.491.715)	(10.476.991.616.753)
3. Tài sản cố định vô hình	227	827.449.691.741	830.010.160.324
- Nguyên giá	228	975.254.630.996	969.661.389.567
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(147.804.939.255)	(139.651.229.243)
III. Bất động sản đầu tư	230	75.478.650.660	80.094.736.926
- Nguyên giá	231	192.269.450.832	192.269.450.832

- Giá trị hao mòn lũy kế	232	(116.790.800.172)	(112.174.713.906)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	6.424.590.417.912	6.680.126.201.478
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	46.158.220.211	42.858.495.355
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6.378.432.197.701	6.637.267.706.123
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	2.886.336.553.181	2.821.212.309.548
1. Đầu tư vào công ty con	251	34.511.992.908	34.511.992.908
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	2.466.900.263.687	2.400.229.341.864
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	456.585.944.694	456.585.944.694
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(71.661.648.108)	(70.114.969.918)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	347.197.363.206	330.234.866.568
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	343.616.012.192	327.548.636.478
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	3.581.351.014	2.686.230.090
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	25.116.005.572.669	23.346.278.189.831
NGUỒN VỐN			
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	15.734.769.277.030	14.070.061.921.111
I. Nợ ngắn hạn	310	12.463.433.591.500	10.907.152.744.050
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.067.094.681.354	1.310.485.377.140
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	90.008.719.297	26.394.488.583
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	169.140.757.643	154.884.132.850
4. Phải trả người lao động	314	285.040.660.997	311.362.384.781
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.861.400.333.595	2.195.440.268.382
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	2.249.032.168	2.385.064.032
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	536.129.976.974	717.129.565.925
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	7.342.712.925.494	6.077.679.536.132
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	30.273.736.048	27.107.625.539
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	79.382.767.930	84.284.300.686

II. Nợ dài hạn	330	3.271.335.685.530	3.162.909.177.061
1. Phải trả người bán dài hạn	331	287.282.707.744	281.191.800.002
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	611.484.901.721	475.420.799.576
7. Phải trả dài hạn khác	337	627.187.956.331	627.695.948.566
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.684.284.955.551	1.702.102.526.912
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.859.513.668	7.749.872.232
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	55.235.650.515	68.748.229.773
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	9.381.236.295.639	9.276.216.268.720
I. Vốn chủ sở hữu	410	9.381.236.295.639	9.276.216.268.720
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	6.780.000.000.000	6.780.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	6.780.000.000.000	6.780.000.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	146.913.536.252	146.913.536.252
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(803.624.369.177)	(803.624.369.177)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	(258.594.300.236)	(180.330.372.250)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	417.932.201.950	330.392.201.950
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	1.010.075.228	1.010.075.228
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.019.751.171.609	1.851.328.753.638
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	1.733.303.536.120	2.109.111.452.064
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	286.447.635.489	-257.782.698.426
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.077.847.980.013	1.150.526.443.079
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	25.116.005.572.669	23.346.278.189.831

b) Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.479.916.932.199	30.459.170.329.122
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	325.269.658.674	154.060.008.085
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.154.647.273.525	30.305.110.321.037

4. Giá vốn hàng bán	34.964.804.783.514	29.305.857.206.473
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.189.842.490.011	999.253.114.564
6. Doanh thu hoạt động tài chính	285.151.495.448	487.416.087.811
7. Chi phí tài chính	360.491.183.098	421.362.181.326
- Trong đó: Chi phí lãi vay	303.665.059.659	353.718.902.891
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	122.997.749.010	(459.267.137.252)
9. Chi phí bán hàng	304.939.696.127	284.529.710.719
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	725.061.572.309	614.427.319.087
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	207.499.282.935	-292.917.146.009
12. Thu nhập khác	173.377.709.981	67.786.337.629
13. Chi phí khác	23.382.965.579	26.660.204.685
14. Lợi nhuận khác	149.994.744.402	41.126.132.944
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	357.494.027.337	-251.791.013.065
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	50.271.874.713	34.929.968.800
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.785.479.488)	2.932.477.554
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	310.007.632.112	-289.653.459.419

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	357.494.027.337	(251.791.013.065)
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ	277.776.027.603	360.714.036.725
- Các khoản dự phòng	(43.029.625.968)	(98.214.121.037)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(2.133.910.408)	(274.322.911)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(371.994.224.851)	109.732.567.582
- Chi phí lãi vay	303.665.059.659	353.718.902.891
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	521.777.353.372	473.886.050.185
- Tăng, giảm các khoản phải thu	(569.286.108.651)	(345.042.199.043)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	(1.232.409.545.950)	756.143.461.076
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	385.361.874.952	398.487.379.806
- Tăng, giảm chi phí trả trước	(5.707.169.448)	72.649.361.269
- Tiền lãi vay đã trả	(306.895.597.473)	(353.161.085.647)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(34.156.169.408)	(18.214.256.950)

- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	16.390.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(39.752.488.374)	(39.895.447.757)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.281.067.850.980)	944.869.652.939
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(52.761.357.207)	(63.516.799.614)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	2.802.443.508	1.828.278.367
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.765.586.688.006)	(2.927.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	3.959.853.972.602	1.979.704.706.849
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(52.252.192.250)	(4.519.200.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	522.489.800
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	260.679.566.201	263.349.829.487
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.352.735.744.848	(750.230.695.111)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
3. Tiền thu từ đi vay	27.162.840.241.258	22.867.747.174.344
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(26.338.131.765.524)	(22.975.623.348.010)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(49.362.983.814)	(222.915.251.987)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	775.345.491.920	(330.791.425.653)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	847.013.385.788	(136.152.467.825)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	1.351.540.926.819	1.487.755.903.931
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	657.913.782	(62.509.287)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	2.199.212.226.389	1.351.540.926.819

Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 460/UBCK-QLPH ngày 20 tháng 02 năm 2012 của UBCK Nhà nước về việc chấp thuận đăng ký thông tin đại chúng của Tổng công ty. Theo quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng, Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP phải thực hiện công bố thông tin trên website của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trên website của Tổng công ty: www.vnsteel.vn./. *rae b*

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2025

Nơi nhận:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- SCIC (để b/c);
- Đảng ủy;
- Chủ tịch HĐQT, các UV HĐQT;
- TGD, các P.TGD;
- Ban Kiểm soát;
- CD, ĐTN;
- Các Ban nghiệp vụ;
- Thư ký Tổng công ty;
- Lưu VT, HĐQT (V).

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CÔNG TY**



Nghiêm Xuân Đa

